TÒA ÁN NHÂN DÂN **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **226**/2023/DS - PT
Ngày: 01-3-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng thuê xe và bồi thường thiệt hại về tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Giang.

Ông Bùi Liên Minh.

Thư ký Tòa phiên tòa: Bà Đào Thị Lành - Cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 27 tháng 02 và ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 343/2022TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê xe và bồi thường thiệt hại về tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 196/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 467/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn:

- Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1973
- Bà Trương Thị Bích V, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 12ET VK, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đai diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Việt T, sinh năm 1987. (Xin vắng mặt)

(Là người đại diện theo ủy quyền – Giấy ủy quyền số chứng thực 001612, quyển số 01, lập ngày 11/12/2019 tại Văn phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Võ Thiện H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Luật A. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà P, số 51 CT, phường CT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 58/8 XS, Khu phố 4, phường K, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Q.

Địa chỉ: Số 3 HT, phường S, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Huỳnh Anh T, bà Trương Thị Bích V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2019 của ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V và quá trình giải quyết vụ án ông Lê Việt T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/8/2018, vợ chồng ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V cho ông Nguyễn Mạnh H thuê một chiếc xe ôtô nhãn hiệu Kia Carens màu trắng, mang biển số 51F-74021 đứng tên Huỳnh Anh T để kinh doanh, với giá cho thuê xe là 9.000.000 đồng/tháng. Việc cho thuê xe được lập thành Hợp đồng cho thuê xe theo mẫu do ông H cung cấp; Các bên ký tên trên Hợp đồng, không có công chứng, chứng thực (về thời hạn thuê được các bên thỏa thuận là không xác định thời hạn). Theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 4 của Hợp đồng thì bên thuê xe có nghĩa vụ thanh toán tiền thuê xe vào ngày 06 dương lịch hàng tháng. Ngày 21/8/2018, hai bên tiến hành giao nhận xe (không lập biên bản giao nhận xe), sau khi nhận xe thì từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2018, ông H thanh toán tiền thuê xe được 04 tháng, số tiền là 36.000.000 đồng; Tháng 01/2019 ông H chỉ thanh toán số tiền 2.000.000 đồng. Tổng số tiền ông H đã thanh toán tiền thuê xe cho ông T, bà V là 38.000.000 đồng. Kể từ tháng 02/2019 đến tháng 11/2019 ông H còn nợ ông T và bà V 10 tháng tiền thuê xe, với số tiền là 90.000.000 đồng. Trong thời gian ông Nguyễn Mạnh H thuê và sử dụng xe, vào ngày 21/11/2018, chiếc ô tô này đã bị tai nạn tại Khu phố 4, thị trấn ĐT, huyện Đ, tỉnh L, bị hư hỏng nặng. Sau đó, ông H đã nhờ ông Huỳnh Anh T hỗ trợ ông H thực hiện các thủ tục để được hưởng bảo hiểm cho vụ tai nạn trên, nhưng cho đến nay vụ việc vẫn chưa được bảo hiểm chi trả, hiện ông H vẫn đang giữ chiếc ôtô của ông T và bà V. ông T và bà V đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại nguyên trạng chiếc xe và thanh toán tiền thuê xe nhưng không kết quả.

Do ông Nguyễn Mạnh H không thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền thuê xe, vi phạm nghĩa vụ của bên thuê, nên ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Mạnh H phải trả lại cho ông T và bà V nguyên trạng chiếc xe ôtô màu trắng, mang nhãn hiệu Kia Carens biển kiểm soát 51F- 74021, số máy G4KAEH412014, số khung 51M5GC078600. Tạm tính giá trị chiếc xe là 400.000.0000 đồng.

- Tuyên buộc ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán cho ông T và bà V một lần và toàn bộ tiền thuê xe mà ông H còn nợ, tạm tính tiền thuê xe còn thiếu của tháng 01/2019 và tiền thuê xe còn thiếu từ tháng 02/2019 đến tháng 11/2019 là 97.000.000 đồng.

- Tuyên buộc ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán cho ông T và bà V một lần và toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền thuê xe còn thiếu với mức lãi suất 12%/năm, tạm tính đến hết tháng 11/2019 là: 9.700.000 đồng và yêu cầu ông H tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Tổng số tiền ông T và bà V yêu cầu ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán theo đơn khởi kiện là 506.700.000 đồng.

Đến ngày 15/12/2020, ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V thay đổi, bổ sung yêu cầu cho ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V được nhận lại chiếc xe ô tô màu trắng, mang nhãn hiệu Kia Carens, có biển kiểm soát 51F-740.21, số máy G4KAEH412014, số khung 51M5GC 078600 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô số 186781 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/07/2016) theo hiện trạng được thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2020, vì cho rằng vào tháng 02/2019 bị đơn (ông H) đã thuê phương tiện mang xe bị hư hỏng nặng đến xưởng sửa chữa của Công ty TNHH ôtô N tại địa chỉ số 164 Đường VL, phường H, Quận B để yêu cầu Công ty báo giá chi phí sửa chữa, sau đó ông H không liên lạc với Công ty (hiện chiếc xe đang được để tại địa chỉ 376/29 Đường TP, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty thuê trông giữ). Yêu cầu buộc ông Nguyễn Mạnh H phải bồi thường cho ông T và bà V chi phí sữa chữa xe số tiền là 315.081.250 đồng (theo Phiếu báo giá ngày 10/9/2020 của Công ty TNHH ôtô N để khôi phục trạng thái hoạt động bình thường của xe ô tô tại thời điểm hợp đồng thuê tài sản được ký kết). Yêu cầu buộc ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán cho ông T và bà V một lần toàn bộ tiền thuê xe mà ông H còn nợ của tháng 01/2019; tiền thuê xe còn thiếu từ tháng 02/2019 đến hết tháng 12/2020 là 205.000.000 đồng, phải thanh toán một lần và toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền thuê xe còn nợ theo mức lãi suất 12%/năm, tạm tính đến hết tháng 12/2020 là 24.435.945 đồng. Tổng số tiền mà ông Nguyễn Mạnh H phải thanh toán cho ông T, bà V tạm tính đến ngày 15/12/2020 là 544.517.195 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Mạnh H:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự;

thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Mạnh H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Q:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đại diện Ngân hàng Q không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 196/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

- Căn cứ khoản 3 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 422, Điều 472 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V về việc cho ông T và bà V được nhận lại chiếc xe ôtô màu trắng, nhãn hiệu Kia Carens, có biển kiểm soát 51F-740.21, số máy G4KAEH412014, số khung 51M5GC078600 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 186781 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/07/2016, hiện chiếc xe đang được để tại địa chỉ 376/29 Đường TP, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V về việc buộc ông Nguyễn Mạnh H có trách nhiệm phải thanh toán cho ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V tính đến ngày 22/4/2022 (ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử) số tiền là 731.017.140 đồng (trong đó tiền bồi thường chi phí sữa chữa xe là 315.081.250 đồng; Tiền thuê xe còn nợ của tháng 01/2019 là 7.000.000 đồng; Tiền thuê xe còn thiếu tạm tính từ tháng 02/2019 đến ngày 22/4/2022 là 351.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền thuê xe còn nợ nêu trên theo mức lãi suất 12%/năm, tạm tính đến ngày 22/4/2022 là 57.935.890 đồng).

2. Về án phí: Ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 33.240.686 (ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ngàn sáu trăm tám mươi sáu) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 12.134.000 (mười hai triệu một trăm ba mươi bốn ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/ 0032112 ngày 02/01/2019 của

Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, như vậy ông T và bà V còn phải nộp 21.106.686 (hai mươi mốt triệu một trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm tám mươi sáu) đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Phiếu thu số 13 ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận B. ông T và bà V đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2022, nguyên đơn ông Huỳnh Anh T, bà Trương Thị Bích V có ông Lê Việt T làm đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lê Việt T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm và có văn bản trình bày ý kiến:

Nguyên đơn yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do bản án sơ thẩm chưa xem xét đánh giá hết tình tiết hồ sơ tài liệu mà nguyên đơn đã nộp trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với tình trạng xe ô tô Kia ông T xác định vẫn do Công ty TNHH thương mại dịch vụ ô tô N giữ tại Bãi xe ở địa chỉ 376/29 Đường TP, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH thương mại dịch vụ ô tô N cũng đã đề cấp tại bản trình bày ngày 08/12/2020 là sẽ giao trả xe cho bị đơn với điều kiện bị đơn trả hết tiền chi phí trông giữ xe. Vì vậy ông T đề nghị Tòa cấp phúc thẩm triệu tập Công ty TNHH thương mại dịch vụ ô tô N đến làm việc để có cơ sở giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét đơn kháng cáo của ông Lê Việt T là đại diện của nguyên đơn ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Mạnh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Q vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 2, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng thuê tài sản là chiếc xe ôtô màu trắng, nhãn hiệu Kia Carens, có biển kiểm soát 51F-740.21, số máy G4KAEH412014, số khung 51M5GC078600 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 186781 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/07/2016 (sau đây gọi tắt xe ô tô Kia), hợp đồng được ký kết giữa ông Huỳnh Anh T và ông Nguyễn Mạnh H, thời hạn cho thuê xe có dòng chữ "03 tháng (21/8/2018 – 20/11/2018)" đã bị bôi xóa.

Ngày 15/12/2020, tại Tòa án nhân dân Quận B ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V trình bày: Hợp đồng thuê xe chỉ lập thành một bản gốc là bản hợp đồng do nguyên đơn đang giữ. Về thời hạn được các bên xác định không xác định thời hạn. Tuy nhiên tại Điều 2 của hợp đồng thuê, bị đơn trực tiếp ghi bằng tay là 03 tháng (21/08/2018 đến 20/11/2018). Nguyên đơn không đồng ý với nội dung về thời hạn thuê do bị đơn ghi và yêu cầu bị đơn điều chỉnh để phản ánh đúng là thời hạn thuê không thời hạn. Bị đơn hứa sẽ điều chỉnh sau. Sau khi xe ôtô bị xảy ra tai nạn, bị đơn yêu cầu cho mượn lại hợp đồng thuê để làm việc với Cơ quan Công an nhằm giải quyết vụ việc tai nạn giao thông. Khi bị đơn trả lại hợp đồng thuê cho nguyên đơn thì cụm từ 03 tháng (21/08/2018 > 20/11/2018) đã bị bị đơn xóa bỏ bằng bút xóa, nhưng nếu lật qua trang 02 của Hợp Đồng Thuê thì vẫn sẽ thấy cụm từ 03 tháng (21/08/2018 > 20/11/2018) ở dạng viết ngược. Do đó, nguyên đơn khẳng định ngày lập hợp đồng được xác định là ngày 21/08/2018 dù đã bị bị đơn xóa bỏ"

Tại Biên bản ghi lời khai do Công an huyện Đ, tỉnh L lập hồi 08g00 ngày 14/12/2018 và Biên bản ghi lời khai lập hồi 14g30 ngày 24/12/2018, tại Công an huyện Đ, tỉnh L, ông T đều xác định: *"... Xe ôtô con Kia Caren biển số 51F-74021 là của tôi đứng tên mua trả góp của Ngân hàng Q – Chi nhánh G (số 03 HT, phường S, Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền là 620.000.000 đồng (trả trước 120.000.00 đồng) để chạy dịch vụ. Đến ngày 15/11/2018 tôi có cho Trần Văn L (sinh năm 1986; ĐKTT: Nguyễn H, Đầm D, Cà M) thuê 20 ngày với giá là 500.000 đồng/ngày để chạy dịch vụ (có làm hợp đồng thuê nhưng không có công chứng). Đến đầu tháng 12/2018 tôi có nhận được tin báo của*

Công an phường B báo xe tôi gặp tại nạn tại huyện Đ, tỉnh L, nên tôi có đến Công an huyện Đ, tỉnh L để liên hệ thì được biết xe tôi chở thuốc lá ngoại nhập lậu và bị tai nạn trên địa bàn huyện… Tôi và ông Trần Văn L đã gặp gỡ vài lần do chạy Grab chung. Khi ông Lđặt vấn đề thuê xe tôi, do tin tưởng nên tôi đã cho ông L thuê với số tiền đặt cọc đưa trước là 5.000.000 đồng, hẹn 10 ngày sau đưa hết số tiền còn lại, nhưng đến nay tôi không liên lạc được với ông L nữa. Tôi chỉ cho ông L thuê còn ông "V" tôi không hề biết và chưa từng gặp lần nào. Tôi "T" xin cam đoan những lời khai trên của tôi là hoàn toàn đúng sự thật, nếu không sẽ chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật" và bản án hình sự sơ thẩm số 17/2019/HS-ST ngày 17/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L (vụ án Phạm Hoàng V vận chuyển hàng cấm) đã có hiệu lực pháp luật ghi nhận "*Tang vật tạm giữ một xe ô tô nhãn hiệu: KIA, loại xe: Ôtô con, màu sơn: trắng, biển số: 51F-740.21, số khung: 51M5GC078600, số máy: G4KAEH 412014. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 15 ngày 29/01/2019, trả lại cho chủ sở hữu là ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1973, địa chỉ: 12ET đường VK, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và ông T không có yêu cầu gì khác, nên không đề cập đến."* và phần nhận định bản án ghi rõ: "*Ông Huỳnh Anh T vắng mặt tại phiên tòa trong lời khai trình bày: Ông có cho ông Trần Văn L thuê xe và ông L cho người khác thuê lại, nhưng không biết việc bị cáo vận chuyển thuốc lá ngoại. ông T đã nhận lại xe không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét là phù hợp...".*

Như vậy có đủ cơ sở xác định ông T đã nhận lại xe ô tô Kia theo Quyết định xử lý vật chứng số: 15 ngày 29/01/2019 của cơ quan Cảnh sát điều tra, tuy nhiên Công ty TNHH TMDV ô tô N trình bày ông H là người mang xe đến Công ty sửa chữa chứ không phải ông T. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ ông T nhận lại xe theo Quyết định xử lý vật chứng số: 15 ngày 29/01/2019 vào thời gian nào và ông H mang xe đến Công ty TNHH TMDV ô tô N gửi vào thời gian nào, cần thu thập chứng cứ chứng minh ông H là người mang xe đến Công ty TNHH TMDV ô tô N để sửa chữa.

Nguyên đơn xác định đã nhận tiền thuê xe của ông H là 38.000.000 đồng, trong đó: Nhận tiền mặt là 10.000.000 đồng; Nhận chuyển khoản qua tài khoản VCB của bà V (vợ ông T) lần 1 vào ngày 21/9/2018 là: 10.000.000 đồng, với nội dung sao kê tài khoản "Tam ung tien xe Kia CaCarens"; Nhận chuyển khoản qua tài khoản VCB của bà V (vợ ông T) lần 2 vào ngày 17/10/2018 là: 10.000.000 đồng, với nội dung sao kê tài khoản "Hai thanh toan tien xe cacarens t10"; Nhận chuyển khoản qua tài khoản VCB của bà V (vợ ông T) lần 3 vào ngày 12/01/2019 là: 8.000.000 đồng với nội dung sao kê tài khoản "Thanh toan kia". Sơ thẩm chưa xác minh làm rõ chủ tài khoản đã chuyển tiền thanh toán thuê xe cho bà V ngày 12/01/2019 có phải ông H chuyển hay không để xác định sau thời hạn thuê xe ngày 20/11/2018 ông H vẫn tiếp tục thuê hay người khác thuê.

Tại "TỜ TƯỜNG TRÌNH" của Công ty TNHH TM DV ô tô N trình bày không tham gia và không có yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa các bên tuy nhiên

lại xác định *"Chúng tôi cũng đã thông báo trực tiếp cho ông Huỳnh Anh T và bà Trương Thị Bích V, khi nào, ông Nguyễn Mạnh H đến công ty chúng tôi làm việc, trả tiền phí trông giữ từ khi mang Xe ô tô đến Công ty chúng tôi (thời gian để xe tại Công ty chúng tôi và thời gian chúng tôi phải thuê bãi giữ xe để gửi Xe ô tô) thì chúng tôi sẽ giao trả một biển kiểm sát của Xe ô tô..."* Xét thấy, Công ty TNHH TM DV ô tô N là đơn vị hiện nay đang quản lý xe ô tô Kia và chủ bãi xe là người trực tiếp trông coi, Công ty TNHH TM DV ô tô N chỉ đồng ý trả xe khi bị đơn trả chi phí trông giữ xe từ lúc gửi cho đến nay thì mới giao trả biển kiểm sát xe, nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện được nhận lại xe ô tô Kia tức là có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH TM DV ô tô N nhưng cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH TM DV ô tô N, chủ bãi giữ xe vào tham gia tố tụng để xem xét, giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của Ngân hàng Q – Chi nhánh G là không đúng quy định tại Điều 74, 84 Bộ luật dân sự năm 2015, lẽ ra phải là "Ngân hàng Q".

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy do bản án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và một số thiếu sót không thể khắc phục tại cấp phúc thẩm nên việc hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án là cần thiết. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm. Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0014702 ngày 12/8/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

***Tuyên xử*:**

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 196/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Anh T, bà Trương Thị Bích V không phải chịu án phí phúc thẩm. ông Huỳnh Anh T, bà Trương Thị Bích V được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0014702 ngày 12/8/2022 tại Chi Cục thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Q.B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.B;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Thị Kim Thúy